

Số: 30/2020/QĐST-DS

Điện Biên Phủ, ngày 01 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 71/2020/TB-TLTA ngày 15 tháng 5 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N; sinh năm 1941; địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường T, thành phố Điện B, tỉnh B. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân H; địa chỉ: Tổ dân phố 02, phường T, thành phố Đ, tỉnh B.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Tổ dân phố 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh B.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 13.575.000 đồng (*Mười ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*); gồm 10.450.000 đồng tiền gốc và 3.125.000 đồng tiền lãi (*lãi của số tiền gốc trên tính từ ngày 01/4/2018 đến hết ngày 31/4/2020 là 25 tháng, với mức 1,2%/01 tháng, tính tròn là 125.000 đồng/01 tháng*).

- Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Thị N cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải trả, hàng tháng bà Nguyễn Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Án phí: Bà Nguyễn Thị H chịu 339.375 đồng (*Ba trăm ba mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Tạm ứng án phí: Không có (Bà N được miễn nộp tạm ứng án phí theo

điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- CC Thi hành án dân sự TP.ĐBP;
- Kế toán;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Nhung